

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: **209/2018/HSST**
Ngày: 28/6/2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA-TỈNH ĐỒNG NAI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Lan Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh

Bà Trương Thị Thìn

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Thành Thị Thu Trang – Cán bộ Tòa án nhân dân TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 162/2018/HSST ngày 17/5/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 177/2018/HSST ngày 30/5/2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Ngọc T, tên gọi khác: không; Giới tính: Nam

Sinh năm 1993, tại tỉnh Đồng Nai.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật

Nơi đăng ký HKTT: 891, ấp H, xã P, TP. B, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: lớp 7/12.

Con ông: Nguyễn Ngọc Tr, sinh năm 1963; Con bà: Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1965.

Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất.

Vợ: Lê Thị Ngọc T, sinh năm 1997; Có con 01 con (2015).

Tiền án: Tại bản án số 734/2015/HSST ngày 24/12/2015, TAND TP. B xử phạt bị cáo 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm tính từ ngày tuyên án.

Tiền sự: Không

Bị bắt ngày 02/3/2018 – Có mặt.

Bị hại:

1. **Anh Vi Trần Thanh P**, sinh ngày 30/8/2001 – Vắng mặt.

Đại diện hợp pháp của anh P: **Ông Vi Văn K**, sinh năm 1976 (cha ruột anh P) – Vắng mặt.

Cùng trú tại: Số 18, khu phố 12, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai – Vắng mặt.

2. **Anh Tạ Văn A**, sinh năm 1990.

Thường trú: Thôn K, xã M, huyện H, tỉnh Thái Bình

Tạm trú: số 5C/B2, khu phố 1, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai – Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. **Anh Lê Văn T**, sinh năm 1980.

Trú tại: 32/4 khu phố L, P. L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai – Vắng mặt.

2. **Anh Trần Công T**, sinh năm 1988.

Trú tại: 71/44, khu phố 1, phường L, TP. B, tỉnh Đồng Nai – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Ngọc T là đối tượng không có nghề nghiệp. Để có tiền chơi game bắn cá và tiêu xài cá nhân, vào các ngày 26/01/2018 và ngày 10/02/2018, T đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản và trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Vụ thứ 1: Khoảng 18 giờ ngày 26/01/2018, T cùng Vi Trần Thanh P (bạn của T) điều khiển xe mô tô hiệu Dream, biển số 60F9-5503 đến tiệm game bắn cá thuộc khu phố 10, phường A, thành phố B chơi game đến khoảng gần 22 giờ cùng ngày thì thua hết tiền nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của P. Để thực hiện ý định trên, T giả vờ hỏi mượn xe mô tô của P chạy đến khách sạn Đ tại phường A để tìm bạn, P đồng ý và ngồi sau xe để T chở đi. Khi đến nơi, T nói P xuống xe đứng ngoài chờ để T chạy xe vào trong khách sạn. Tưởng thật, P xuống xe, T chạy xe vào trong khách sạn rồi liền quay đầu xe chạy ra ngoài bỏ đi. Sau khi chiếm đoạt được xe, khoảng 08 giờ ngày 27/01/2018, T nhờ anh Lê Văn T bán dùm và nói đó là xe của T. Anh T mang xe mô tô biển số 60F9-5503 đến tiệm mua bán xe “T” do ông Trần Văn S làm chủ để bán. Ông S nghi ngờ xe trên là do phạm tội mà có nên báo Công an phường L xử lý.

Vật chứng vụ án:

- 01 xe mô tô hiệu Super Dream, biển số 60F9-5503 là xe của ông Vi Văn K giao cho con trai là Vi Trần Thanh P sử dụng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã thu hồi trả lại cho ông K.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 49/TCKH-HĐĐG ngày 12/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản thành phố B đã kết luận: “01 xe mô tô biển số 60F9-5503 có giá trị là 5.100.000 đồng (Năm triệu một trăm nghìn đồng)”.

Trách nhiệm dân sự: ông Vi Văn K đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường.

Vụ thứ 2: Khoảng 20 giờ ngày 10/02/2018, T đi bộ đến khu phố 1, phường L để tìm người quen thì phát hiện nhà số 5C/B2, khu phố 1, phường L của anh Tạ Văn A cửa mở không có người trong nhà, nên T đột nhập vào trong trộm cắp 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu vàng gold; 01 điện thoại hiệu Nokia 6700; 01 ví da màu đen bên trong có số tiền 1.400.000 đồng (Một triệu bốn trăm nghìn đồng) và thẻ căn cước công dân tên Tạ Văn A rồi bỏ đi. Trên đường đi, T lấy số tiền 1.400.000 đồng (Một triệu bốn trăm nghìn đồng) trong ví ra rồi ném chiếc ví ven đường. Khoảng 09 giờ ngày 11/02/2018, T bán chiếc điện thoại Nokia 6700 cho tiệm cầm đồ “C” tại số 71/44, khu phố 1, phường L, do anh Trần Công T làm chủ với giá 950.000 đồng (Chín trăm năm mươi nghìn đồng). Khoảng 15 giờ cùng ngày, T đến chơi game tại tiệm game bắn cá “T”, thuộc khu phố 1, phường L và nhờ anh Lê Văn T cầm cố chiếc điện thoại Iphone 6 trộm được lấy số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), số tiền trên T trả tiền chơi game và tiêu xài cá nhân hết. Sau khi phát hiện bị mất tài sản, anh Tạ Văn A đến Công an phường L trình báo sự việc. Đến ngày 02/3/2018, T đến Công an phường L đầu thú và khai nhận toàn bộ sự việc phạm tội như trên. Công an phường L lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B xử lý.

Vật chứng vụ án:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu vàng (gold), 01 điện thoại di động hiệu Nokia 6700 là điện thoại của anh Tạ Văn A, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã thu hồi trả lại cho anh A.

- 01 chiếc ví da màu đen T trộm cắp của anh Tạ Văn A, sau khi lấy hết tiền trong ví, T ném chiếc ví đi và không nhớ ở đâu nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

- Số tiền 1.400.000 đồng (Một triệu bốn trăm nghìn đồng) T tiêu xài cá nhân hết, không thu hồi được.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 60/TCKH-HĐĐG ngày 15/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản thành phố B đã kết luận: “01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 và 01 điện thoại di động hiệu Nokia 6700 có tổng giá trị là 5.275.000 đồng (Năm triệu hai trăm bảy lăm nghìn đồng)”. Đối với chiếc ví da T trộm cắp của anh A, do không thu hồi được, không rõ nhãn hiệu nên không định giá được.

Trách nhiệm dân sự: Anh Tạ Văn A đã nhận lại tài sản gồm 02 chiếc điện thoại Iphone 6 và Nokia 6700, anh A không có yêu cầu bồi thường đối với chiếc ví da và số tiền 1.400.000 đồng (Một triệu bốn trăm nghìn đồng).

Tại bản cáo trạng số 174/CT/VKS-HS ngày 14/5/2018, Viện kiểm sát nhân dân TP. B truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị xử phạt bị cáo:

- Từ 12 tháng đến 14 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.
- Từ 10 tháng đến 12 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”
- Đồng thời tổng hợp với hình phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 734/2015/HSST ngày 24/12/2015 của TAND TP. B, buộc bị cáo phải chấp hành chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Ngọc T thừa nhận do muốn có tiền chơi game và tiêu xài nên vào ngày 26/01/2018, bị cáo đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt của anh Vi Trần Thanh P 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda Supper Dream biển số 60F9-5503 trị giá 5.100.000đ và vào ngày 10/02/2018, bị cáo còn lấy trộm của anh Tạ Văn A 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6, 01 điện thoại di động hiệu Nokia 6700 có tổng trị giá 5.275.00đ và 01 chiếc ví bên trong có 1.400.000đ.

[2] Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có tại hồ sơ. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Ngọc T

phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác mà còn gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương. Cũng với hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác, bị cáo đã bị kết án 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo nhưng không chịu lấy đó làm bài học để sửa chữa, rèn luyện bản thân mà lại tiếp tục phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng hình phạt là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

[4] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo và tỏ thái độ ăn năn hối cải, tài sản đã được thu hồi trả lại cho người bị hại nên gây thiệt hại không lớn, sau khi sự việc xảy ra bị cáo đã ra đầu thú. Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về phần dân sự: Ông K và anh A đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST theo quy định.

[7] Tại bản án số 734/2015/HSST ngày 24/12/2015, TAND TP. B xử phạt bị cáo 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm tính từ ngày tuyên án (24/12/2015). Do bị cáo phạm tội tại bản án này là còn trong thời gian thử thách nên bị cáo phải chấp hành hình phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 734/2015/HSST ngày 24/12/2015 của TAND TP. B và tổng hợp với hình phạt của bản án này, buộc bị cáo phải chấp hành chung.

[8] Đối với anh Lê Văn T có hành vi giúp T nhận cầm cố 01 chiếc điện thoại Iphone 6 và đem 01 xe mô tô biển số 60F9-5503 đi tiêu thụ và anh Trần Công T có hành vi mua lại chiếc điện thoại Nokia 6700 của T đều không biết đó là những tài sản T trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không xử lý là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 174; các điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 55; khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 5 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm tội “Trộm cắp tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; 10 (mười) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Đồng thời, tổng hợp với hình phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 734/2015/HSST ngày 24/12/2015 của TAND TP. B, buộc bị cáo phải chấp hành chung là **03 (ba) năm 10 (mười) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 02/3/2018, được trừ đi thời gian bị giam giữ trước đó từ ngày 29/5/2015 đến ngày 04/6/2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh P, ông K, anh A, anh T, anh Công T vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đ;
- VKSND TP.B;
- Công an TP.B;
- THADS TP.B;
- Bị cáo – BH (4);
- Người có QLNVLQ (2)
- Lưu hồ sơ.

Bùi Lan Hương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Các Hội thẩm nhân dân Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

